

---

# CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ TRONG BỐI CẢNH NỀN KINH TẾ BỊ TÁC ĐỘNG MẠNH BỞI ĐẠI DỊCH COVID 19

Hoàng Xuân Quế

Viện Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: quehx@neu.edu.vn

Mã bài: JED - 02102021

Ngày nhận: 02/10/2021

Ngày nhận bản sửa: 06/11/2021

Ngày duyệt đăng: 08/11/2021

## Tóm tắt:

*Bài viết tập trung phân tích thực trạng điều hành chính sách tiền tệ trong vài năm gần đây, đặc biệt là năm 2020 và 2021 khi nền kinh tế Việt Nam đối mặt với đại dịch Covid-19. Với những diễn biến khó lường của nền kinh tế do ảnh hưởng của đại dịch, tuy nhiên có thể nói chính sách tiền tệ đã được Ngân hàng nhà nước Việt Nam điều hành khá linh hoạt và chủ động. Vì vậy, đã góp phần ổn định hệ thống tài chính cũng như góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi làn sóng dịch lần thứ tư ập đến và gây hệ lụy vô cùng nặng nề về nhiều mặt, cả về kinh tế cũng như an sinh xã hội... trên phạm vi toàn quốc thì chính sách tiền tệ đã bộc lộ một số bất cập: tỷ lệ dự trữ bắt buộc mặt dù đã được hạ thấp nhưng vẫn còn ở mức cao, hạn mức tín dụng được duy trì quá lâu dẫn đến tình trạng xin cho “room” tín dụng... Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp về điều hành chính sách tiền tệ phù hợp với điều kiện mới, thí dụ hạ thấp dự trữ bắt buộc xuống 0,5% cho 2 tháng cuối năm 2021, giảm tiếp 0,5% trong quý I/2022, đồng thời bỏ hạn mức tín dụng đang duy trì bấy lâu nay.*

**Từ khóa:** Covid-19, lạm phát, vốn tín dụng, thị trường tiền tệ, chính sách tiền tệ.

**Mã JEL:** E42, E51, E52, E58.

## Monetary policy in the context of the economy strongly affected by the Covid-19 epidemic

### Abstract:

*The paper concentrates on analyzing the current context of monetary policy management in recent years, especially in 2020 and 2021 when Vietnam's economy has faced the Covid-19 pandemic. With unpredictable changes in the economy due to the impact of the pandemic, it can be said that the monetary policy has been managed flexibly and proactively by the State Bank of Vietnam. Therefore, it has contributed to stabilizing the financial system as well as helping to eliminate difficulties for businesses. However, the pandemic fourth wave hit and caused extremely heavy consequences in many aspects, both in terms of economy and social security on a national scale, monetary policy revealed a variety of shortcomings: the reserve requirement, although it has been lowered, was still high, the line of credit for credit institutions has been maintained for too long, leading to the begging mechanism in asking for the line of credit from credit institutions. Consequently, the author proposes several significant solutions on managing monetary policy in accordance with new normal conditions, for example, lowering the reserve requirement to 0.5% for the last 2 months of 2021, further decreasing by 0.5% in the first quarter of 2022, and eliminating the line of credit that has been maintained for a long time.*

**Keywords:** Covid-19, inflation, lending funds, money market, monetary policy.

**JEL codes:** E42, E51, E52, E58.

---

## 1. Đặt vấn đề

Tính từ đầu tháng 2 năm 2020 đến nay, nền kinh tế Việt Nam bị tác động rất mạnh của đại dịch Covid-19. Phạm Hồng Chương (2020) đã chỉ ra rằng ảnh hưởng của Covid-19 đến nền kinh tế và các doanh nghiệp trong năm 2020 là rất nghiêm trọng và tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý 2 năm 2020 của Việt Nam sẽ vào khoảng 2,0%. Bên cạnh đó, Hoàng Tuấn Dũng (2020) cũng cho rằng lạm phát và cung cầu hàng hóa ở Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Đặc biệt, chính sách tiền tệ ở Việt Nam cũng sẽ được điều hành theo hướng thích hợp hơn với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tô Trung Thành & Bùi Trinh (2020) cũng nhận định nếu đại dịch kéo dài thì kinh tế Việt Nam sẽ rơi vào suy thoái. Do đó, Chính phủ cần thực thi chính sách tài khóa và chính sách an sinh xã hội linh hoạt, đồng thời tránh lạm dụng chính sách tiền tệ trong ứng phó với đại dịch Covid-19.

Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với nền kinh tế Việt Nam còn được nghiên cứu trong từng ngành nghề cụ thể, đặc biệt là du lịch, lữ hành, dịch vụ... Phạm Trương Hoàng & cộng sự (2020) đã chỉ ra rằng để vượt qua đại dịch Covid-19, ngành Du lịch Việt Nam cần duy trì sự tồn tại, tái cấu trúc và chuẩn bị cho sự trở lại của mình. Điều này sẽ giúp ngành du lịch chủ động thích nghi với Covid-19. Bên cạnh đó, Đỗ Anh Đức (2021) cũng bổ sung vào cơ sở lý luận và thực tiễn với nghiên cứu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến ngành Logistics Việt Nam. Bài viết chỉ ra các tác động tích cực lẫn tiêu cực đối với ngành Logistics Việt Nam và các giải pháp thúc đẩy sự ổn định của ngành Logistics dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19.

Tại Ấn Độ, để đối phó với làn sóng Covid-19, Chính phủ đã áp dụng chương trình “Ấn Độ tự cường” với sự kết nối của các chính sách an sinh xã hội, tài chính kích cầu, bảo hộ doanh nghiệp, nới lỏng quy định về thuế, hỗ trợ nông lâm ngư nghiệp và từng bước mở cửa nền kinh tế (Nguyễn Văn Linh & Nguyễn Thị Oanh, 2020). Những giải pháp này đã giảm thiểu những thiệt hại do Covid-19 gây ra cho Ấn Độ. Chính sách kiểm soát dịch bệnh, phục hồi kinh tế, chính sách tiền tệ, tài khóa cũng được nhấn mạnh là giải pháp để nền kinh tế vượt qua khủng hoảng do Covid-19 trong nghiên cứu của Hoàng Tuấn Dũng (2020).

Bám sát các Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động, linh hoạt trong điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, người dân, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ, kiểm soát lạm phát... Tuy nhiên, với những hệ lụy rất nặng nề của làn sóng dịch covid lần thứ tư đối với sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội... thì hiệu quả của các chính sách vẫn còn khiêm tốn. Để có thể hỗ trợ đắc lực cho tháo gỡ và hỗ trợ nền kinh tế vượt qua đại dịch Covid-19, cần phải có những giải pháp căn cơ và quyết liệt hơn.

## 2. Thực trạng điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động tín dụng ngân hàng

### 2.1. Về điều hành lãi suất

Theo số liệu của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tính đến ngày 07 tháng 10 năm 2021, tổng phương tiện thanh toán (M2) trong nền kinh tế tăng 5,65% so với cuối năm 2020 và tăng 11,56% so với cùng kỳ 2020. Từ đầu 2020 đến nay, Ngân hàng nhà nước đã 3 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, tổng mức giảm 1,5-2,0%/năm; giảm 0,6-1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi nội tệ các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 0,3%-0,6%/năm trần lãi suất tiền gửi đến 12 tháng; giảm trần lãi suất cho vay ngắn hạn nội tệ đối với các lĩnh vực ưu tiên với tổng mức giảm là 1,5%/năm, đến cuối tháng 10 năm 2021 đang dao động ở mức 4,5%/năm. Vì thế, đã tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ Ngân hàng nhà nước với chi phí rẻ hơn, tăng thanh khoản cho các tổ chức tín dụng, qua đó các tổ chức tín dụng có điều kiện để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ khách hàng. Tính bình quân trong năm 2020, mặt bằng lãi suất giảm khoảng 1%/năm và tiếp tục giảm trong năm 2021.

### 2.2. Về điều hành hoạt động tín dụng

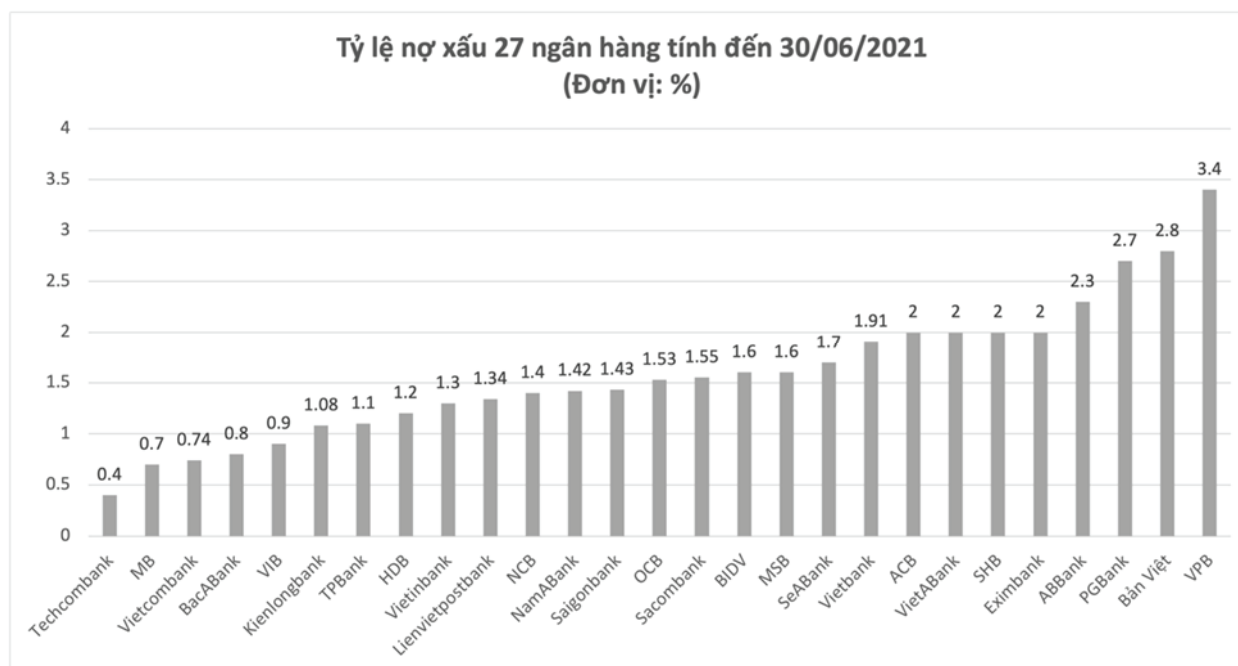
Ngân hàng Nhà nước thường xuyên rà soát, điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng đối với từng tổ chức tín dụng theo các tiêu chí: Năng lực tài chính, năng lực điều hành, dư địa tín dụng lành mạnh, ưu tiên những tổ chức tín dụng giảm lãi suất cho vay nhằm góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân. Tính đến hết tháng 7 năm 2021, tín dụng toàn nền kinh tế đạt gần 9,83 triệu tỷ đồng, tăng 6,92% so với cuối năm 2020. Theo báo cáo từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức tín dụng đã miễn, giảm, hạ lãi suất cho khoảng 1,7 triệu khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch với dư nợ gần 2,5 triệu tỷ đồng. Lũy kế từ ngày 23 tháng 01 năm

2020 cuối tháng 9 năm 2021, tổng số tiền lãi tổ chức tín dụng đã miễn, giảm cho khách hàng khoảng 27.000 tỷ đồng. Nếu tính riêng 16 Ngân hàng thương mại đang chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế, thì đã thực hiện có kết quả việc giảm lãi suất cho vay cho khách hàng theo cam kết thông qua đầu mối Hiệp hội Ngân hàng, tổng số tiền lãi đã giảm lũy kế từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến cuối tháng 9 năm 2021 là 11.813 tỷ đồng, đạt 57,31% so với cam kết.

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước, tính đến cuối tháng 6 năm 2021, tổng nợ xấu nội bảng, nợ bán cho Công ty quản lý Tài sản (VAMC) chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn thành nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam tăng 2,8% so với cuối năm 2020 và có số dư 384.960 tỷ đồng (như nói ở trên), chiếm tỷ lệ 3,66% so với tổng dư nợ cho vay, đầu tư. Nếu tính thêm các khoản nợ được cơ cấu và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020 và Thông tư 03/2021 (sửa đổi, bổ sung Thông tư 01) có nguy cơ chuyển thành nợ xấu do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 thì tỷ lệ này là 7,21%, tăng mạnh so với tỷ lệ này thời điểm cuối năm 2020 là 5,08%.

Trong khi đó, nếu theo báo cáo của các tổ chức tín dụng, tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 của toàn hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 425.500 tỷ đồng, giảm 3,4% so với cuối năm 2020. Lũy kế từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng tại Việt Nam đã xử lý được 354.600 tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 (số liệu nói trên của Ngân hàng nhà nước tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 4 năm 2021 là 354.000 tỷ đồng, thấp hơn số liệu báo cáo của các tổ chức tín dụng là 4.600 tỷ đồng và khác nhau 2 tháng.

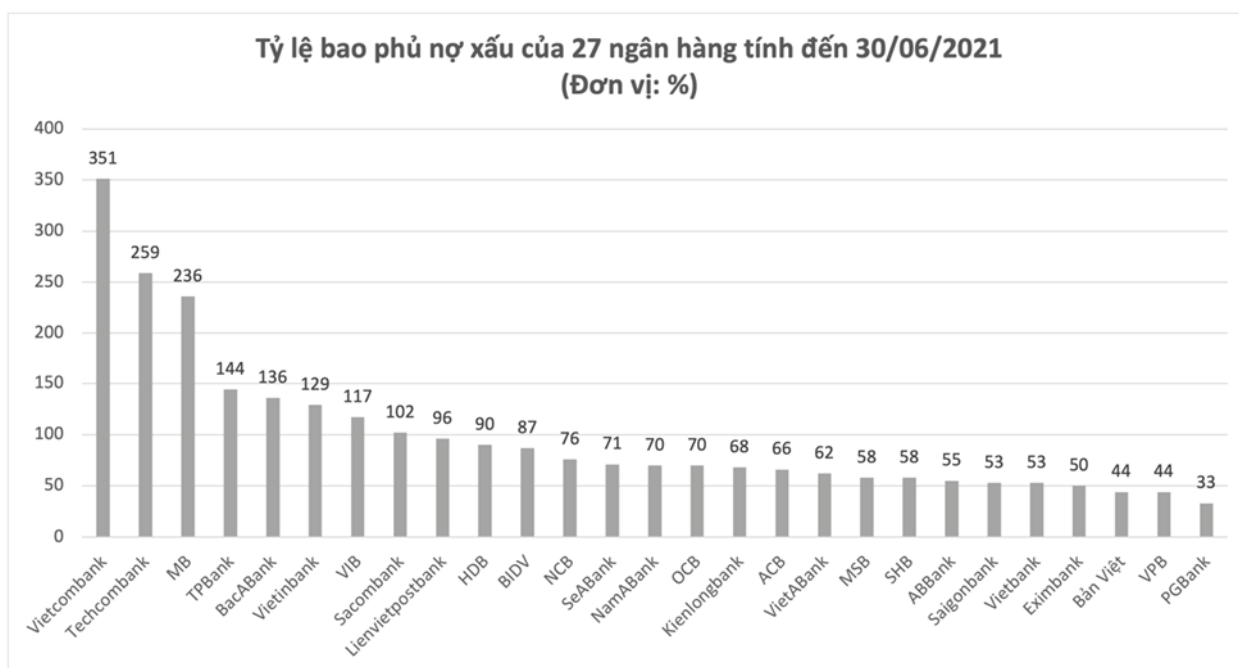
**Hình 1: Tỷ lệ nợ xấu của 27 ngân hàng tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2021**



Nguồn: N Thoan (2021).

Trong đó, cũng theo báo cáo của các tổ chức tín dụng thì đã xử lý nợ xấu nội bảng là 183.000 nghìn tỷ đồng (chiếm 51,61% tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 đã xử lý). Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết số 42 là 93.500 tỷ đồng (chiếm 26,37% tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 đã xử lý). Xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 78.100 tỷ đồng (chiếm 22,02% tổng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 đã xử lý). Tính riêng từ thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020 đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đã xử lý được 55,0 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42.

**Hình 2: Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của 27 ngân hàng tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2021**



Nguồn: N Thoan (2021).

Cũng theo báo cáo của các tổ chức tín dụng, thì tổng số nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 được xử lý từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 đạt trung bình khoảng 5.950 tỷ đồng/tháng, cao hơn 2.430 tỷ đồng/tháng so với kết quả xử lý nợ xấu trung bình tại thời điểm trước khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực (trung bình từ năm 2012-2017, hệ thống xử lý được khoảng 3.520 tỷ đồng/tháng).

### 2.3. Về điều hành tỷ giá và quản lý ngoại hối

Ngân hàng nhà nước kiên định mục tiêu chống đô la hóa nền kinh tế, trên đất nước Việt Nam chỉ sử dụng Đồng Việt Nam, giữ ổn định tỷ giá để tác động tích cực đến cả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, vay nợ nước ngoài của Chính phủ và của doanh nghiệp thị trường ngoại tệ, tỷ giá và thị trường tiếp tục diễn biến tương đối ổn định, biến động không quá 0,6% trong 9 tháng của năm 2021. Thanh khoản thị trường thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Ngân hàng nhà nước cũng duy trì nguồn dự trữ ngoại tệ ở mức lớn nhất từ trước tới nay. Bên cạnh đó, Ngân hàng nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính, cung cấp thông tin, giải thích và Chính phủ Hoa Kỳ đã gỡ bỏ nghi vấn thao túng tiền tệ cho Việt Nam. Một điểm đáng chú ý khác đó là, ngày 08 tháng 10 năm 2021, Kho bạc nhà nước đấu thầu thành công 150 triệu đô la Mỹ (USD) theo hình thức giao dịch giao ngay, ngày giao dịch là ngày 11 tháng 10 từ 30 Ngân hàng nhà nước theo các mức chào bán từ thấp đến cao, đáp ứng cho nhu cầu thanh toán ngoại tệ của ngân sách nhà nước hiện nay. Như vậy, với việc này thì kho bạc Nhà nước cũng đã bơm vào hệ thống ngân hàng thương mại 3.429 tỷ đồng ngay trong ngày 11 tháng 10 năm 2021. Điều này cũng làm tăng thanh khoản cho các Ngân hàng thương mại.

### 2.4. Về chính sách tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid

*Chính sách cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ*

Ngân hàng nhà nước đã ban hành các thông tư: Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020, Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi thông tư 01/2020/TT-NHNN về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm phí, giữ nguyên nhóm nợ hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, tạo khuôn khổ pháp lý để các tổ chức tín dụng chung tay tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng vay vốn. Theo đó, khách hàng sẽ được cơ cấu lại nợ mà không bị chuyển sang nhóm nợ cao hơn; khuyến khích tổ chức tín dụng thực hiện cho vay mới để khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn và thực hiện trả nợ đúng hạn cho tổ chức tín dụng theo thời hạn mới.

---

Tính đến ngày 19 tháng 07 năm 2021, đã có 198.455 khách hàng với dư nợ 308.346 tỷ đồng được cơ cấu lại; 701.346 khách hàng được miễn, giảm, hạ lãi suất vay với dư nợ gần 1,1 triệu tỷ đồng; 509.216 khách hàng được vay mới lãi suất thấp hơn so với trước đại dịch với doanh số lũy kế từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 08 năm 2021 trên 3,87 triệu tỷ đồng và tổng số tiền lãi các tổ chức tín dụng miễn, giảm cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi Covid-19 là khoảng 18.886 tỷ đồng. Trong đó, số tiền lãi đã miễn, giảm thực tế là 14.121 tỷ đồng, số tiền lãi sẽ miễn, giảm theo cam kết là 4.738 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP của Chính phủ, 16 ngân hàng (chiếm 75% tổng dư nợ nền kinh tế) đã cam kết giảm lãi suất cho vay lên đến 1%/năm trên dư nợ hiện hữu bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 áp dụng từ ngày 15 tháng 7 năm 2021 đến hết năm 2021 với tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng ước tính trên 20.370 tỷ đồng.

Riêng 04 ngân hàng thương mại Nhà nước tiếp tục cam kết từ đầu tháng 08 năm 2021: (i) dành riêng gói hỗ trợ giảm lãi suất 4.000 tỷ đồng; (ii) giảm 100% các loại phí dịch vụ ngân hàng trong thời gian giãn cách cho thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và các địa phương đang thực hiện cách ly toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

#### *Chính sách miễn, giảm phí dịch vụ thanh toán*

Ngày 23 tháng 08 năm 2021, Ngân hàng nhà nước đã ban hành Thông tư 13/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư 26/2013/TT-NHNN, theo đó điều chỉnh giảm 50% mức phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng đến ngày 30 tháng 6 năm 2022; chỉ đạo Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) và các tổ chức tín dụng thực hiện giảm phí giao dịch thanh toán cho khách hàng và miễn phí với các giao dịch trực tuyến các dịch vụ công; giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng đối với các giao dịch có giá trị nhỏ; miễn phí chuyển tiền ủng hộ Covid-19; miễn phí chuyển tiền giải ngân của ngân hàng chính sách xã hội và dịch vụ thanh toán cho đối tượng nhận hỗ trợ theo chương trình của Chính phủ; giảm phí giao dịch trên ATM, POS và phí chuyển tiền liên ngân hàng tối thiểu bằng mức giảm phí của NAPAS, Ngân hàng nhà nước đã giảm...

Kết quả là tổng số phí giao dịch thanh toán qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng mà Ngân hàng nhà nước đã giảm cho các tổ chức tín dụng từ đầu năm 2020 đến tháng 08 năm 2021 là 471 tỷ đồng. Tổng số tiền phí mà các tổ chức tín dụng miễn, giảm cho khách hàng từ đầu năm 2020 đến hết năm 2021 dự tính khoảng 2.112 tỷ đồng, trong đó số phí miễn giảm năm 2020 khoảng 1.004 tỷ đồng, dự kiến năm 2021 khoảng 1.108 tỷ đồng.

#### *Một số chính sách hỗ trợ khác*

Ngân hàng nhà nước đã sửa đổi Thông tư 22/2019 để lùi lộ trình áp dụng thêm 01 năm nhằm tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng vay vốn phục hồi sản xuất kinh doanh sau dịch, duy trì dư nợ trung dài hạn ổn định cho khách hàng đồng thời đảm bảo thực hiện các chính sách ưu đãi lãi suất cho khách hàng. Cụ thể, Ngân hàng nhà nước cho phép duy trì tỉ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn với mức 40% đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2021. Sau đó từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 đến ngày 30 tháng 9 năm 2022, tỉ lệ trên sẽ giảm về 37%. Từ ngày 1 tháng 10 năm 2022 đến ngày 30 tháng 9 năm 2023 còn 34%; và giảm xuống 30% từ ngày 1 tháng 10 năm 2023.

Thúc đẩy áp dụng các biện pháp công nghệ trong cung ứng dịch vụ ngân hàng (eKYC, Mobile-Money, thanh toán không dùng tiền mặt, Regulatory Sandbox) nhằm hạn chế việc đi lại, tiếp xúc trực tiếp trong quá trình giao dịch. Theo đó, từ cuối tháng 3- tháng 6 năm 2021, đã có 14 ngân hàng triển khai mở tài khoản thanh toán cho cá nhân bằng phương thức điện tử eKYC với hơn 618.000 tài khoản hoạt động, số lượng và giá trị giao dịch đạt 1,6 triệu món và 14.153 tỷ đồng.

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng nghiêm túc triển khai các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng để tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh; yêu cầu các tổ chức tín dụng điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chỉ tiêu lợi nhuận phù hợp, để dành nguồn lực chia sẻ khó khăn, hỗ trợ khách hàng thông qua giảm mạnh lãi suất cho vay đối với khách hàng.

#### **2.5. Về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng theo chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Nghị quyết 42/NQ-CP, Nghị quyết 154/NQ-CP, Ngân hàng nhà nước kịp thời ban hành các Thông tư hướng dẫn và thực hiện tái cấp vốn cho ngân hàng chính sách xã hội, lãi suất 0%/năm, không có tài sản bảo đảm để cho người sử dụng lao động vay trả lương cho người lao động bị ngừng việc với quy mô tối đa 16.000 tỷ đồng.

---

Thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP, đến ngày 06 tháng 8 năm 2021, Ngân hàng nhà nước đã giải ngân tái cấp vốn cho ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện cho vay trên địa bàn 24 tỉnh, thành phố với số tiền 144,89 tỷ đồng đối với 212 đơn vị sử dụng lao động để trả lương ngừng việc và trả lương phục hồi sản xuất (quy mô tối đa 7500 tỷ đồng).

Triển khai các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng nhà nước đã ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho VietnamAirirlines (VNA) vay và cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của VNA do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Đến nay, Ngân hàng nhà nước đã hoàn thành xong việc tái cấp vốn cho các ngân hàng (Seabank tối đa 2.000 tỷ đồng, MSB tối đa 1.000 tỷ đồng, SHB tối đa 1.000 tỷ đồng) để các ngân hàng cho vay VNA; VNA và 03 ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ tổng số vốn 4.000 tỷ đồng.

### **3. Một số đánh giá**

Một là, lãi suất cho vay mặc dù đã được giảm nhưng vẫn còn ở mức cao, cao hơn so với các nước trong khu vực. Lãi suất cho vay khách hàng là hộ thoát nghèo và hộ cận nghèo của ngân hàng chính sách gần tương đương lãi suất cho vay khách hàng của ngân hàng thương mại.

Hai là, công cụ dự trữ bắt buộc chưa được Ngân hàng thương mại điều hành linh hoạt nên chưa phát huy hiệu quả trong việc tăng khả năng cung ứng tín dụng, giảm chi phí tín dụng, tăng khả năng tạo tiền để từ đó tác động làm giảm mặt bằng lãi suất trong nền kinh tế.

Ba là, điều hành lãi suất của Ngân hàng nhà nước chưa có tác động giảm lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng. Minh chứng là Ngân hàng nhà nước còn phải thông qua đầu mối Hiệp hội ngân hàng để kêu gọi, thuyết phục các ngân hàng thương mại giảm lãi suất cho vay, giảm lãi suất đối với khách hàng. Từ đó có 16 ngân hàng thống nhất và cam kết giảm lãi suất cho vay như đã nói trên.

Bốn là, Ngân hàng nhà nước duy trì quá lâu công cụ hành chính đó là hạn mức tín dụng, thậm chí là thông báo kế hoạch “nhỏ giọt”, tạo ra cơ chế xin cho của Ngân hàng nhà nước đối với ngân hàng thương mại.

Năm là, phản ứng trong điều hành chính sách của Ngân hàng nhà nước vẫn có lúc chưa kịp thời, nhất là tái cấp vốn cho vay lúa gạo, cho vay hãng hàng không và mới chỉ tạo điều kiện cho VietnamAirirlines, còn các hãng khác chưa được hưởng lợi từ chính sách. Thông tư 03/2021 ban hành chậm (ngày 02 tháng 04 năm 2021) trong khi thông tư 01/2020 ban hành ngày 13 tháng 03 năm 2020.

Sáu là, do tác động của dịch bệnh Covid-19, nên tỷ lệ nợ xấu kể cả nợ đã trích dự phòng rủi ro và bán cho VAMC tiềm ẩn tăng cao, đặt ra những thách thức mới trong năm 2022 khi mà các doanh nghiệp vẫn rất khó khăn và dư địa vận dụng Nghị quyết 42 không còn. Dự báo nợ xấu tiềm ẩn và thực chất tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Bảy là, các cấp chính quyền, các ngành chức năng do tập trung và hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế - xã hội địa phương giai đoạn mới nên sẽ không quan tâm nhiều đến phối hợp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 của Chính phủ.

### **4. Khuyến nghị giải pháp**

Thứ nhất, trên cơ sở mục tiêu của Quốc hội, Chính phủ về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021, tới đây sẽ là mục tiêu và kế hoạch của năm 2022, Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng tín dụng đề ra từ đầu năm (12%), nếu không ít nhất cũng phải đạt trên 10%.

Thứ hai, Ngân hàng nhà nước tiếp tục triển khai các chính sách, giải pháp đang thực hiện hỗ trợ tháo gỡ khó khăn do Covid-19, dành tối đa mọi nguồn lực hiện có, đảm bảo hiệu quả, thiết thực, trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Đồng thời, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho phục hồi nền kinh tế ngay khi dịch bệnh được kiểm soát.

Khuyến nghị Ngân hàng nhà nước cần nghiên cứu để giảm 0,5% tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong 2 tháng cuối năm 2021 và giảm tiếp 0,5% trong quý I/2022. Theo đó, sẽ tác động giảm đáng kể lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Bởi vì, chỉ cần giảm 0,5% tỷ lệ này, sẽ giải phóng được số vốn lên tới 50.000 tỷ đồng để cho vay đối với nền kinh tế, chưa tính đến chi phí tín dụng của các tổ chức tín dụng sẽ giảm xuống đồng thời tăng khả năng tạo tiền, tăng tổng phương tiện thanh toán M2 cho nền kinh tế.

---

Thứ ba, Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục bám sát tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước và quốc tế triển khai các giải pháp kiểm soát quy mô, tăng trưởng tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng đề ra, gắn với nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi trong vay vốn tín dụng ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân.

Đặc biệt, khuyến nghị Ngân hàng nhà nước nghiên cứu để bỏ hạn mức tín dụng đối với các Ngân hàng thương mại đáp ứng được các tiêu chí của Basel II và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% nhằm giải phóng năng lực và tăng tính chủ động trong việc cấp tín dụng lành mạnh của các tổ chức tín dụng đó. Tránh tình trạng nặng nề về thủ tục và can thiệp hành chính cũng như tình trạng xin, cho để được mở zoom tín dụng.

Thứ tư, Ngân hàng nhà nước chỉ đạo và giám sát các tổ chức tín dụng tiếp tục giảm chi phí để tiếp tục giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất - kinh doanh; các tổ chức tín dụng thực hiện cam kết giảm lãi suất cho vay đối với nền kinh tế. Các tổ chức tín dụng về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm, lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN và Thông tư 03/2021/TT-NHNN, Thông tư 14/2021/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 01/2020/TT-NHNN. Đối với 16 ngân hàng thương mại tiếp tục thực hiện cam kết thực hiện Nghị quyết 63/NQ-CP, Quyết định 1284/QĐ-NHNN và các văn bản có liên quan.

Thứ năm, Ngân hàng thương mại chỉ đạo giảm lãi suất cho vay hộ mới thoát nghèo, hộ cận nghèo của ngân hàng chính sách xã hội; đồng thời mở ra chương trình cho vay vốn tạo việc làm đối với người lao động bị ảnh hưởng của Covid-19 thông qua ngân hàng chính sách xã hội. Ngân hàng nhà nước mở rộng kênh tái cấp vốn để ngân hàng thương mại cho vay các hãng hàng không khác, để ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn người lao động mất việc làm.

Thứ sáu, các ngân hàng thương mại cần hết sức thận trọng về quản lý chất lượng tín dụng, xem xét thực chất các khoản nợ của khách hàng với số liệu nợ xấu thể hiện trong báo cáo tài chính công bố công khai theo niên độ. Các ngân hàng thương mại cần mạnh tay trích lập dự phòng rủi ro tín dụng sát với thực chất các khoản nợ đã được cơ cấu lại.

Thứ bảy, Chính phủ chỉ đạo các bộ ngành có liên quan tiếp tục có các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể để phục hồi sản xuất kinh doanh, góp phần hạn chế nợ xấu.

Thứ tám, Quốc hội cần tiếp tục quan tâm, hỗ trợ quá trình xử lý nợ xấu nói chung và xử lý nợ xấu theo quy định tại Nghị quyết số 42 nói riêng thông qua việc quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hằng năm của đất nước. Xem xét đến khía cạnh xử lý nợ xấu khi quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia, đặc biệt là quy định liên quan đến thuế, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp như hiện nay trên thế giới.

## **Tài liệu tham khảo**

- Đỗ Anh Đức (2021), *Tác động của đại dịch COVID-19 đến ngành dịch vụ Logistics Việt Nam, Hội thảo Kinh tế Việt Nam năm 2020 và triển vọng năm 2021: Ứng phó và vượt qua đại dịch Covid – 19, hướng tới phục hồi và phát triển*, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Hoàng Tuấn Dũng (2020), ‘Tác động của đại dịch Covid-19 đến lạm phát của nền kinh tế Việt Nam’, *Tạp chí Quản lý Kinh tế Quốc tế*, 133, 55-67.
- N Thoan (2021), *Toàn cảnh nợ xấu ngân hàng*, truy cập lần cuối ngày 11 tháng 01 năm 2021, from <<https://cafef.vn/toan-canhh-no-xau-ngan-hang-20210810162121643.chn>>.
- Nguyễn Văn Linh & Nguyễn Thị Oanh (2020), ‘Tác động của dịch Covid-19 và phản ứng chính sách của Ấn Độ’, *kỷ yếu hội thảo “Chính sách vượt qua tác động của Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế”*, Hà Nội.
- Phạm Hồng Chương (2020), ‘Tác động của đại dịch Covid-19 đến nền kinh tế Việt Nam’, *Tạp chí kinh tế và Phát triển*, 274, 2-13.
- Phạm Trương Hoàng, Trần Huy Đức & Ngô Đức Anh (2020), ‘Tác động của đại dịch covid-19 đến ngành du lịch việt nam và những giải pháp ứng phó’, *Tạp chí Kinh Tế và Phát triển*, 274(4), 43-53.
- Tô Trung Thành & Bùi Trinh (2020), ‘Tác động của COVID-19 đến nền kinh tế - Những đánh giá ban đầu và hàm ý chính sách’, *Tạp chí Kinh tế Phát triển*, 274, 23-30.